

Số: 43 /2015/QĐ-UBND

Thủ Dầu Một, ngày 30 tháng 9 năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công năm 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2015/NQ-HĐND8 ngày 29/9/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa VIII – Kỳ họp thứ 17 về việc phê duyệt Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu Kế hoạch điều chỉnh đầu tư công năm 2015 là: 5.000 tỷ đồng (Năm nghìn tỷ đồng). Phân bổ vốn đầu tư cho từng danh mục dự án, công trình cho từng huyện, thị xã, thành phố (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch được giao, các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện, phân đầu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị trực thuộc và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND TQVN tỉnh;
- CT, các PCT;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể (60);
- UBND các huyện, thị xã, Tp. Thủ Dầu Một;
- LĐVP, CV, TH, Website, Công Báo;
- Lưu VT. *M*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Nam

Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2015

(Kèm theo Quyết định số 43 /2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



DVT: Triệu đồng

Stt	Đanh mục	Kế hoạch năm 2015	Kế hoạch điều chỉnh năm 2015	Ghi chú
A	TỔNG SỐ	5.000.000	5.000.000	
I	TỈNH QUẢN LÝ	3.000.000	2.688.404	
a	Chuẩn bị đầu tư	35.500	25.654	
	<i>Trong đó: + Vốn Xổ số kiến thiết (cấp Tỉnh làm Chủ đầu tư)</i>	<i>9.000</i>	<i>1.601</i>	
b	Thực hiện dự án	2.754.500	2.652.750	
1	Hạ tầng kinh tế	1.619.100	1.586.309	
	- Cấp thoát nước - công cộng	475.738	447.850	
	- Nông nghiệp - phát triển nông thôn	122.500	131.222	
	- Giao thông	1.020.862	1.007.237	
2	Văn hóa xã hội	1.071.800	979.177	
	- Văn hóa thông tin - TDTT - PTTT	204.610	213.293	
	- Giáo dục - Y tế:	830.290	721.200	
	<i>Trong đó: + Vốn Xổ số kiến thiết (cấp Tỉnh làm Chủ đầu tư)</i>	<i>396.000</i>	<i>278.399</i>	
	- Chương trình ứng dụng CNTT vào quản lý	36.900	44.684	
3	Quản lý nhà nước và quốc phòng - an ninh	63.600	87.264	
c	Thanh, quyết toán các công trình hoàn thành có giá trị từ 1.000 triệu đồng trở xuống	10.000	10.000	
d	Dự phòng	200.000	0	
	<i>Trong đó: Vốn xổ số kiến thiết</i>	<i>50.000</i>	<i>0</i>	
II	HUYỆN - THỊ XÃ - THÀNH PHỐ QUẢN LÝ	2.000.000	2.311.596	
	Vốn phân cấp theo tiêu chí	1.000.000	1.000.000	
	Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh	505.000	641.596	
	Vốn Xổ số kiến thiết vốn tỉnh (cấp Huyện làm Chủ đầu tư)	495.000	670.000	
1	Thành phố Thủ Dầu Một	422.953	472.953	
	Vốn phân cấp theo tiêu chí	172.953	172.953	
	Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh, <i>Trong đó:</i>	150.000	150.000	
	- Đường Trần Văn Ôn - phường Phú Hòa	15.000	15.000	
	- Đường Bạch Đằng nối dài - phường Phú Cường	10.000	10.000	
	- Đường Lê Chí Dân (đoạn từ Ngã 4 Sò Sao đến Ngã 4 Cây Me)	15.000	15.000	
	- Nâng cấp, mở rộng đường Trần Ngọc Lân (đoạn từ Đại lộ Bình Dương đến đường Huỳnh Văn Lữ)	10.000	10.000	
	- Nhà tang lễ thành phố Thủ Dầu Một - phường Phú Mỹ	10.000	10.000	
	- Mở rộng vỉa hè đường Bạch Đằng (đoạn từ Ngã 3 đường Ngô Quyền đến đường Đinh Bộ Lĩnh - phường Phú Cường)	15.000	15.000	
	- Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự thành phố Thủ Dầu Một	10.000	10.000	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2015	Kế hoạch điều chỉnh năm 2015	Chi chú
	Vốn Xổ số kiến thiết vốn tỉnh (cấp Huyện làm Chủ đầu tư)	100.000	150.000	
2	Thị xã Thuận An	312.108	327.108	
	Vốn phân cấp theo tiêu chí	197.108	197.108	
	Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh	35.000	45.000	
	Vốn Xổ số kiến thiết vốn tỉnh (cấp Huyện làm Chủ đầu tư)	80.000	85.000	
3	Thị xã Dĩ An	324.997	344.997	
	Vốn phân cấp theo tiêu chí	196.997	196.997	
	Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh	48.000	43.000	
	Vốn Xổ số kiến thiết vốn tỉnh (cấp Huyện làm Chủ đầu tư)	80.000	105.000	
4	Thị xã Tân Uyên	164.510	187.510	
	Vốn phân cấp theo tiêu chí	64.510	64.510	
	Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh, Trong đó:	50.000	53.000	
	- Thực hiện CTMTQG Nông thôn mới		6.000	
	Vốn Xổ số kiến thiết vốn tỉnh (cấp Huyện làm Chủ đầu tư)	50.000	70.000	
5	Huyện Bắc Tân Uyên	153.293	181.528	
	Vốn phân cấp theo tiêu chí	70.293	70.293	
	Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh, Trong đó:	48.000	71.235	
	- Trụ sở làm việc Công An huyện Bắc Tân Uyên (dền bù)		7.235	
	- Thực hiện CTMTQG Nông thôn mới		16.000	
	Vốn Xổ số kiến thiết vốn tỉnh (cấp Huyện làm Chủ đầu tư)	35.000	40.000	
6	Thị xã Bến Cát	160.830	203.591	
	Vốn phân cấp theo tiêu chí	73.830	73.830	
	Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh, Trong đó:	27.000	59.761	
	- Trường Tiểu học An Điền		12.761	
	- Trường mầm non Hòa Lợi		6.000	
	- Trường mầm non An Điền		6.000	
	- Trường Tiểu học Chánh Phú Hòa		8.000	
	Vốn Xổ số kiến thiết vốn tỉnh (cấp Huyện làm Chủ đầu tư)	60.000	70.000	
7	Huyện Bàu Bàng	153.792	190.792	
	Vốn phân cấp theo tiêu chí	58.792	58.792	
	Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh, Trong đó:	60.000	72.000	
	- Đài truyền thanh huyện Bàu Bàng	4.000	11.000	
	- Thực hiện CTMTQG Nông thôn mới		6.000	
	Vốn Xổ số kiến thiết vốn tỉnh (cấp Huyện làm Chủ đầu tư)	35.000	60.000	
8	Huyện Phú Giáo	155.050	214.350	
	Vốn phân cấp theo tiêu chí	78.050	78.050	
	Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh, Trong đó:	52.000	101.300	
	- Đường ĐH503 đi ĐH501 và nhánh rẽ Trung tâm cai nghiện	10.000	27.000	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2015	Kế hoạch điều chỉnh năm 2015	Ghi chú
	Bộ Tư lệnh Quân khu 7 Thực hiện CTMTQG Nông thôn mới Bà Rịa - Vũng Tàu Lĩnh vực đất đai bàn giao cho Trung đoàn 271 thuộc	18.000	18.000	
	Vốn Xổ số kiến thiết vốn tỉnh (cấp Huyện làm Chủ đầu tư)	25.000	35.000	
9	Huyện Dầu Tiếng	152.467	188.767	
	Vốn phân cấp theo tiêu chí	87.467	87.467	
	Vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh, Trong đó:	35.000	46.300	
	- Thực hiện CTMTQG Nông thôn mới		15.300	
	Vốn Xổ số kiến thiết vốn tỉnh (cấp Huyện làm Chủ đầu tư)	30.000	55.000	

Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2015
CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ



H3 /2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2015	Kế hoạch điều chỉnh năm 2015	Ghi chú
	TỔNG SỐ	26.500	24.053	
A	HẠ TẦNG KINH TẾ	10.900	15.611	
I	CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG CỘNG	4.400	12.114	
1	Thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An (Cải thiện môi trường nước Nam BD giai đoạn III)	1.000	1.000	
2	Dự án đền bù hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An	1.000	8.842	
3	Dự án đền bù tuyến ống nước dẫn nước thô hồ Phước Hòa về trung tâm đô thị Bình Dương	50	50	
4	Mở rộng tuyến ống cấp nước của trạm cấp nước tập trung xã Tân Hiệp	1.000		→ THDA
5	Tuyến ống dẫn nước từ hồ Phước Hòa về trung tâm đô thị Bình Dương	50	0	
6	Dự án mua sắm trang thiết bị nhằm tăng cường năng lực của Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường		50	BSDM
7	Trạm thủy văn cầu Vĩnh Bình - Sông Sài Gòn		50	BSDM
8	Hệ thống thoát nước dọc tuyến ĐT743b - Từ ngã ba Vườn Tràm (Km0+000) đến khu vực cổng ngang ĐT743b	200	0	
9	Nâng cấp phần mềm quản lý trung tâm của hệ thống quan trắc tự động	100	100	
10	Hệ thống cấp nước tập trung xã Định An		1.022	BSDM
11	Thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An, Thuận An, Tân Uyên.	1.000	1.000	
II	NÔNG NGHIỆP - PTNT	850	697	
12	Trạm chẩn đoán xét nghiệm và khu cách ly gia súc xã Bình Hòa, huyện Thuận An	50	0	
13	Đê bao Phú Thuận, huyện Bến Cát	100	0	
14	Nạo vét gia cố Suối Cái từ thượng nguồn (đầu tuyến) đến sau cầu Thọ Ụt 100m, Bến Cát, Tân Uyên	100	0	
15	Nạo vét gia cố Suối Cái và các tuyến suối còn lại từ sau cầu Thọ Ụt 100m đến sông Đồng Nai, huyện Tân Uyên.	100	0	
16	Gia cố, nâng cấp bờ bao các tuyến rạch thuộc hệ thống tiêu nước khu công nghiệp Sóng Thần - Đồng An và vùng phụ cận kết hợp làm đường giao thông nội đồng, thị xã Thuận An.	100	497	
17	Hệ thống thủy lợi nội đồng An Sơn - Lái Thiêu	100	0	
18	Mở rộng kiên cố hóa Suối Bình Thắng	100	0	
19	Xây dựng trại thực nghiệm và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật sản xuất nông nghiệp (Xây dựng trại giống nông nghiệp)	200	200	
III	GIAO THÔNG	5.650	2.800	
20	Nâng cấp, mở rộng ĐT 746 (Km13+795) đến ĐT747 (ngã ba cầu Bạch Đằng)	1.000	1.000	
21	Xây dựng mới cầu Châu Văn Tiếp	50	0	
22	Ngầm hóa và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật tuynel Đại lộ Bình Dương đoạn từ cầu Vĩnh Bình đến ngã tư Gò Cát	50	0	
23	Ngầm hóa và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật tuynel đường ĐT 743C đoạn từ ngã sáu An Phú đến Miếu Ông Cù	50	0	
24	Nâng cấp, mở rộng ĐT 748 đoạn từ giáp giao lộ ngã tư Phú Thứ đến vành đai Bắc thị trấn Mỹ Phước	1.000	500	
25	Khu tái định cư Phú Chánh	1.000	0	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2015	Kế hoạch điều chỉnh năm 2015	Ghi chú
26	Xây dựng cầu qua sông Đồng Nai	1.000	500	
27	Đầu tư xây dựng Cầu vượt di bộ trên đường ĐT743B (Km1+750) và Đường Độc Lập - Khu Công nghiệp Sóng Thần	200	0	
28	Xây dựng nút giao thông Đại lộ Bình Dương - VSIP	100	0	
29	Hệ thống thoát nước Tân Bình và Suối Cây Trường, thị xã Dĩ An	100	0	
30	Hệ thống thoát nước suối Cầu Tham Rót, Bình Dương - Bình Phước	100	0	
31	Hệ thống thoát nước Suối Ông Thanh, Bình Dương - Bình Phước	100	0	
32	Xây dựng cầu Bình Nhâm 2	100	0	
33	Đường ven sông Sài Gòn đoạn từ rạch Bà Lụa đến rạch Bình Nhâm, thị xã Thuận An	100	0	
34	Đường ven sông Sài Gòn đoạn từ rạch Lái Thiêu đến khu du lịch Thanh Cảnh, thị xã Thuận An	100	0	
35	Tuyến đường trục chính Đông Tây: đoạn từ Quốc lộ 1A (bến xe Miền Đông mới) đến giáp đường Quốc lộ 1K (khoảng 3.640m)	100	100	
36	Dự án đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài	100	100	
37	Tuyến đường vành đai Đông Bắc 2: đoạn từ trục chính Đông Tây (khu vực giữa khu dân cư Bình Nguyên và Trường cao đẳng nghề Đồng An) đến giáp đường Mỹ Phước - Tân Vạn (khoảng 1.600m)	100	100	
38	Dự án xây dựng đường Bắc Nam 3	100	100	
39	Mở rộng nút giao Sóng Thần và các trục đường đầu nối vào nút giao Sóng Thần	100	0	
40	Dự án đền bù GPMB đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài từ đường ĐT741 đến Khu công nghiệp Bàu Bàng đoạn qua địa bàn thị xã Bến Cát		200	BSDM
41	Dự án đền bù GPMB đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài từ đường ĐT741 đến Khu công nghiệp Bàu Bàng đoạn qua địa bàn huyện Bàu Bàng		200	BSDM
42	Mở rộng đường Quốc lộ 13 (đoạn từ khu vực Trung tâm thương mại Aeon đến ngã tư đường 22/12)	100	0	
B	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI	10.200	7.017	
I	VĂN HÓA THÔNG TIN-TDĐT- PTHH	3.000	2.337	
43	Khảo cổ di tích dốc chùa	200	200	
44	Trụ sở làm việc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bình Dương tại Thành phố Thủ Dầu Một		10	
45	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới một số hạng mục Nhà Thiếu nhi Bình Dương giai đoạn 3		10	BSDM
46	Sửa chữa khối hội trường 1, 4, 5, 7, 8, 9, 10; Ký túc xá 1, 2; Khối thư viện và nhà khách của Trường Chính trị tỉnh Bình Dương.		50	BSDM
47	Xây mới, cải tạo, sửa chữa một số hạng mục của Thư viện tỉnh	200	200	
48	Đầu tư thiết bị nội thất nhà F2 khu B ký túc xá Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh		30	BSDM
49	Khu tái định cư Phú Chánh		50	GT→VH
50	Nâng cấp cơ sở vật chất Bảo tàng Bình Dương	200	200	
51	Xây dựng khu thực nghiệm khoa học và công nghệ thuộc Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ.	500	500	
52	Đầu tư tăng cường năng lực kiểm định, hiệu chuẩn và thử nghiệm thuộc Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng.	500	167	
53	Trồng tu, tôn tạo di tích Sở Chỉ huy tiền phương chiến dịch Hồ Chí Minh (giai đoạn 2)	200	50	
54	Cụm tượng đài Khu Di tích Chiến khu Long Nguyên	200	50	
55	Thiết bị chuyên dùng phục vụ tác nghiệp phát thanh truyền hình	500	400	
56	Đầu tư xây dựng Chiến Khu Đ giai đoạn 2		50	
57	Các hạng mục hỗ trợ dự án trùng tu, tôn tạo khu di tích lịch sử rừng Kiến An		50	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2015	Kế hoạch điều chỉnh năm 2015	Ghi chú
58	Trung tâm huấn luyện thể thao Bình Dương	500	320	
II	GIÁO DỤC Y TẾ	6.600	3.920	
59	Trường Đại học Thủ Dầu Một	2.000	2.000	
60	Dự án nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh.		10	
61	Sửa chữa nhà thi đấu thể thao đa năng - Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Singapore		10	
62	Đầu tư phòng chuẩn về an toàn bức xạ để kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị đo lường bức xạ, thiết bị kiểm định X Quang cho khu vực các tỉnh/ tp phía Nam		10	
63	Tăng cường công tác tạo lập và phát triển nguồn tin khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 - 2020		10	
64	Ký túc xá sinh viên Trường Đại học Thủ Dầu Một	1.000	500	
65	Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật công tường rào và công viên cây xanh Trường Đại học Thủ Dầu Một	500	500	
66	Đầu nối đường dẫn nước thải của Bệnh viện Y học cổ truyền vào hệ thống xử lý nước thải toàn khu cụm y tế.	400		→THDA
67	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh thuộc Trường Quân sự địa phương	1.500	500	
68	Cải tạo, sửa chữa Khu cấp cứu, Khoa xét nghiệm huyết học, Khoa hóa sinh - Bệnh viện đa khoa tỉnh	500	0	
69	Phòng tiêm ngừa Trung tâm Y tế Dự phòng		80	BSDM
70	Trang thiết bị y tế cho Bệnh viện đa khoa tỉnh	500	200	
71	Trang thiết bị nhánh C - Bệnh viện Đa Khoa tỉnh	200	100	
III	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	600	760	
72	Dự án xây dựng các phần mềm quản lý chuyên ngành của Sở Kế hoạch và Đầu tư	200	200	
73	Xe truyền hình lưu động 6 Camera HD		10	
74	GIS quy hoạch đô thị và hạ tầng kỹ thuật đô thị giai đoạn 2		10	
75	Ứng dụng CNTT cho Bộ Chỉ huy quân sự giai đoạn 2		10	
76	Ứng dụng CNTT nâng cao năng lực khám chữa bệnh		10	
77	Đầu tư trang bị công cụ cho nhiệm vụ ứng cứu khẩn cấp máy tính		10	
78	Chương trình vườn ươm doanh nghiệp CNTT		10	
79	Ứng dụng CNTT nâng cao năng lực dạy và học trong trường trung học		10	
80	Ứng dụng CNTT tại 9 trung tâm y tế cấp huyện		10	
81	Xây dựng phần mềm quản lý tài liệu số hóa tại các cơ quan		10	
82	Mở rộng, nâng cấp CSDL đơn thư khiếu nại tố cáo		10	
83	Tích hợp dữ liệu lao động, việc làm và chính sách		10	
84	Xây dựng hệ thống Virtual Desktop Infrastructue		10	
85	Đầu tư xây dựng khung kiến trúc tích hợp của chính quyền điện tử		10	
86	Ứng dụng CNTT cho CS PCCC giai đoạn 2		10	
87	Xây dựng CSDL các bệnh viện, trung tâm y tế, phòng khám, phòng thuốc		10	
88	Trang bị phòng họp trực tuyến giữa tuyến tỉnh và 9 huyện, thị, TP		10	
89	Hoàn thiện cổng thông tin điện tử và dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và hệ thống thông tin liên lạc hỗ trợ người dân và doanh nghiệp		10	
90	Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý Hộ tịch tại Sở Tư pháp	200	0	
91	Số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh Bình Dương		10	BSDM
92	Đầu tư bổ sung phần cứng cho UBND cấp Huyện		10	BSDM
93	Ứng dụng CNTT tại Bệnh viện đa khoa giai đoạn 2		10	BSDM
94	Đầu tư 20 Camera kỹ thuật số		10	BSDM
95	Đầu tư cho Báo Bình Dương giai đoạn 3		10	BSDM
96	Ứng dụng CNTT cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh giai đoạn 1		10	BSDM

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2015	Kế hoạch điều chỉnh năm 2015	Ghi chú
97	Triển khai hệ thống camera quan sát an ninh trong thành phố mới Bình Dương và Công thông tin điện tử Công an tỉnh Bình Dương		10	BSDM
98	Xây dựng CSDL giám định tư pháp hộ tịch, lý lịch tư pháp, luật sư, quốc tịch		10	BSDM
99	Xây dựng CSDL doanh nghiệp tỉnh Bình Dương		10	BSDM
100	Đầu tư thiết bị bảo mật cho các trung tâm dữ liệu (IPS, WAF, hạ tầng chứng thực số)		10	BSDM
101	Xây dựng hệ thống xác thực đa nhân tố		10	BSDM
102	Đầu tư cho Trung tâm CNTT&TT đổi mới hoạt động dịch vụ, tư vấn phát triển công nghệ thông tin và đảm nhiệm vai trò trung tâm dữ liệu văn phòng		10	BSDM
103	Đầu tư nâng cao năng lực vận hành, phục vụ cho trung tâm dữ liệu chính của tỉnh (bổ sung máy chủ và tường lửa, xây dựng Private Cloud)		10	BSDM
104	Số hóa tài liệu thư viện		10	BSDM
105	GIS chuyên ngành GTVT		10	BSDM
106	Thiết bị Trường quay - Nhà bá âm		10	BSDM
107	Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu Tỉnh ủy và phần mềm đặc thù cho các cơ quan Đảng tỉnh BD		100	BSDM
108	Đầu tư nâng cấp hạ tầng CNTT Tòa nhà trung tâm hành chính (bổ sung core Switch, Firewall, Wifi, hệ thống dự phòng, giám sát, tối ưu hóa cấu hình và vận hành)		10	BSDM
109	Bổ sung trang thiết bị CNTT điện tử phục vụ mô hình một cửa hiện đại cấp huyện		10	BSDM
110	Đầu tư hạ tầng CNTT cho UBND cấp xã, giai đoạn 1		10	BSDM
111	Xây dựng văn phòng điện tử tại Công an tỉnh và công an các huyện thị	200	100	
C QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - QPAN		5.400	1.425	
I QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC		500	350	
112	Trung tâm lưu trữ tập trung tỉnh	500	50	
113	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Bàu Bàng		100	BSDM
114	Xí nghiệp công trình công cộng huyện Bàu Bàng		100	BSDM
115	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Bàu Bàng		100	BSDM
II AN NINH		2.900	825	
116	Nhà khách Công an tỉnh	400	10	
114	Xây dựng Trụ sở làm việc Công An huyện Bắc Tân Uyên	400	365	
115	Cơ sở làm việc Công an các phường trên địa bàn tỉnh Bình Dương - Giai đoạn 2: Công an các phường thuộc Công an TP. Thủ Dầu Một, thị xã Tân Uyên và thị xã Bến Cát.	400	100	
116	Trạm kiểm soát Giao thông Quốc lộ 13	200	100	
117	Trường bắn súng ngắn kết hợp Hội trường 500 chỗ	400	100	
118	Xây dựng nâng cấp Trụ sở chính Công an Bình Dương	400	50	
119	Cơ sở vật chất cho Đội Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tại Khu đô thị mới Bình Dương.	200		→ THDA
120	Xây dựng, nâng cấp và mở rộng Trại giam nhà tạm giữ Công an các huyện, thị xã, thành phố thuộc công an tỉnh Bình Dương (Giai đoạn 1 gồm các nhà tạm giữ TDM, Dĩ An, Thuận An, Tân Uyên, Bến Cát).	500	100	
III QUỐC PHÒNG		2.000	250	
121	Đề án quy hoạch và xây dựng căn cứ hậu cần kỹ thuật khu vực phòng thủ Bình Dương	500	50	
122	Doanh trại cho các Đại đội và nhà ăn 200 chỗ của Tiểu đoàn đặc công 60	1.000	100	
123	Xây dựng doanh trại Đại đội Trinh sát	500	100	

Phụ lục III

**KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2015
THỰC HIỆN DỰ ÁN**

(Kèm theo Quyết định số 118 /2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2015	Kế hoạch điều chỉnh năm 2015	Ghi chú
	TỔNG SỐ	2.358.500	2.374.351	
A	HẠ TẦNG KINH TẾ	1.619.100	1.586.309	
I	CẤP THOÁT NƯỚC - CÔNG CỘNG	475.738	447.850	
	<i>Thanh toán khối lượng</i>	<i>26.238</i>	<i>26.164</i>	
1	Dự án Khu liên hợp xử lý rác thải Nam Bình Dương	9.500	9.500	
2	Dự án cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương	8.800	9.708	
3	Nhà máy nước Tân Hiệp	6.200	6.200	
4	Dự án đầu tư hệ thống quan trắc động thái nước dưới đất	404	256	
5	Dự án đầu tư hệ thống quan trắc tự động nước mặt	1.334	500	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	<i>360.400</i>	<i>348.770</i>	
6	Hệ thống thoát nước Dĩ An - KCN Tân Đông Hiệp (Hệ thống thoát nước Dĩ An)	30.000	3.788	
7	Hệ thống thoát nước bên ngoài hàng rào các khu công nghiệp An Tây, Mai Trung, Việt Hương 2	20.000	20.000	
8	Nạo vét suối chợ Tân Phước Khánh	50.000	50.000	
9	Xây dựng và cải tạo kênh Ba Bò đoạn thuộc địa phận tỉnh Bình Dương (Đầu tư xây dựng và cải tạo kênh Ba Bò)	80.000	80.000	
10	Dự án đầu tư các trạm quan trắc nước thải tự động cho các khu công nghiệp và các nguồn thải lớn trên địa bàn tỉnh Bình Dương - GP II	19.000	14.000	
11	Dự án cấp nước tập trung xã Minh Tân, huyện Dầu Tiếng	6.000	14.000	
12	Cấp nước Khu đô thị công nghiệp Mỹ Phước thuộc dự án cấp nước và nước thải đô thị Việt Nam. (Trong đó vốn ODA 8.000 triệu đồng).	18.000	18.000	
13	Khu tái định cư Phú Hòa	15.000	23.000	
14	Đắp tôn cao mặt đê bao ấp Mỹ Hào 2, xã Chánh Mỹ, TP.Thủ Dầu Một	3.600	3.600	
15	Đắp tôn cao mặt đê bao Tân An	3.800	3.800	
16	Trục thoát nước Bưng Biệp-Suối Cát	25.000	38.082	
17	Dự án cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương giai đoạn II (Trong đó vốn ODA 30.000 triệu đồng).	80.000	80.000	
18	Mở rộng nhà máy xử lý chất thải Nam Bình Dương	10.000	500	
	<i>Công trình khởi công mới</i>	<i>89.100</i>	<i>72.916</i>	
19	Đầu nối thoát nước cho KCN An Tây	6.000	6.000	
20	Mở rộng tuyến ống cấp nước của trạm cấp nước tập trung xã Tân Hiệp		3.997	CBĐT→
21	Xây dựng khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương giai đoạn II và xử lý nước thải sinh hoạt khu vực lân cận	1.000	100	
22	Cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng	10.000	10.000	
23	Trục thoát nước Suối Giữa, thành phố Thủ Dầu Một	30.000	10.373	
24	Hệ thống thoát nước giải quyết ngập úng vào mùa mưa tại các điểm dân cư dọc hai bên đường ĐT741	16.000	16.000	
25	Hệ thống thoát nước suối Lò Ô	6.000	0	
26	Đôn đắp đê bao ấp Mỹ Hào 1, xã Chánh Mỹ	0	6.300	BSDM
27	Dự án cấp nước tập trung xã Long Tân, huyện Dầu Tiếng	20.100	20.146	
II	NÔNG NGHIỆP - PINT	122.500	131.222	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2015	Kế hoạch điều chỉnh năm 2015	Ghi chú
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	72.500	96.527	
28	Xây dựng cơ sở hạ tầng trang trại Đội thanh niên xung phong tỉnh Bình Dương	2.500	315	
29	Trục thoát nước Chòm Sao - Suối Đồn	70.000	96.212	
	<i>Công trình khởi công mới</i>	50.000	34.695	
30	Xây dựng Bờ kè chống sạt lở sông Đồng Nai đoạn từ cầu Rạch Tre đến Thị ủy thị xã Tân Uyên	30.000	33.000	
31	Nạo vét suối Đồng Số	6.000	1.205	
32	Nạo vét gia cố suối Bung Cù	7.000	0	
33	Nạo vét gia cố suối Bến Mít và suối Bà Tân	7.000	490	
III	GIAO THÔNG	1.020.862	1.007.237	
	<i>Thanh toán khối lượng</i>	18.280	28.811	
34	Đường Nguyễn Chí Thanh (ngã ba Suối Giữa - cầu Ông Cộ)	3.960	7.060	
35	Nâng cấp, mở rộng đường vào ấp Suối Con	2.225	2.151	
36	Xây dựng mới cầu Bà Lụa	375	1.000	
37	Đường ĐT 744 đoạn từ cầu Ông Cộ đến Km12+000	1.500	1.500	
38	Nâng cấp, láng nhựa đường ĐT749A từ ngã ba Minh Tân đến ngã ba Minh Thạnh	10.220	17.100	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	972.302	970.499	
39	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình làm mới đường ĐT746 nối dài đoạn từ đốc Cây Quáo đến điểm giao với đường Thủ Biên - Công Xanh	80.000	80.000	
40	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT747b đoạn từ nút giao Miếu Ông Cù đến điểm giao với đường Thủ Biên - Công Xanh	100.000	100.000	
41	Dự án đền bù đường Mỹ Phước - Tân Vạn	27.750	30.000	
42	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT746 đoạn từ cầu Tân Khánh đến đốc Cây Quáo	7.000	7.000	
42	Xây dựng đường ven sông Sài Gòn, đoạn từ rạch Bình Nhâm đến đường Châu Văn Tiếp, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.	20.000	25.597	
43	Đường ĐT 744 đoạn từ Km12+000 đến Km 52+000	71.000	86.000	
44	Xây dựng đường từ ngã ba Mười Muộn đi ngã ba Tân Thành, huyện Tân Uyên	55.000	87.805	
45	Đường vào Trung tâm Chính trị - Hành chính tập trung tỉnh Bình Dương	300.000	218.000	
46	Nâng cấp, mở rộng đường 7A, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương	28.000	39.840	
47	Đường Hội Nghĩa - An Tây từ sông Thị Tinh đến ĐT748 (Xây dựng mới cầu Thới An qua sông Thị Tinh)	6.800	43.500	
48	Xây dựng mới cầu Tam Lập	9.652	9.652	
49	Xây dựng đường ven sông Sài Gòn - Giai đoạn I (từ ngã ba cây dầu đường Bùi Quốc Khánh - Nguyễn Tri Phương đến cầu Thỏ Ngủ)	25.000	20.000	
50	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT747a đoạn từ đốc Bà Nghĩa (ranh thị trấn Uyên Hưng) đến ngã ba Công Xanh (giáp ĐT741), huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.	60.000	99.866	
51	Nâng cấp, mở rộng đường Phú An - An Tây, huyện Bến Cát	40.000	7.239	
52	Dự án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đường Mỹ Phước - Tân Vạn nối dài về hướng khu công nghiệp Mỹ Phước II và III	3.000	1.000	
53	Nâng cấp, mở rộng đường từ ngã tư Bình Chuẩn đến ngã ba giao với tuyến đường Đài Liệt sĩ Tân Phước Khánh	40.000	0	
54	Xây dựng đường nối từ cầu Thới An đến ĐT748	10.000	10.000	
55	Xây dựng cầu Bà Cộ	10.000	15.000	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2015	Kế hoạch điều chỉnh năm 2015	Ghi chú
56	Xây dựng cầu Cầu Cổ Trại (trên ĐT744) <i>Công trình khởi công mới</i>	79.100 <i>30.280</i>	90.000 <i>7.927</i>	
57	Cải tạo nút giao thông ngã tư Sở Sao	10.280	2.927	
58	Dự án giao lộ ngã tư Phú Thứ Bến Cát	20.000	5.000	
B	HẠ TẦNG VĂN HÓA - XÃ HỘI	675.800	700.778	
I	VĂN HÓA THÔNG TIN - TDTT - PTTT	204.610	213.293	
	<i>Thanh toán khối lượng</i>	<i>3.791</i>	<i>4.791</i>	
59	Di dời hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ thi công công trình Công chào tỉnh Bình Dương	3.791	3.791	
60	Trung tâm nuôi dưỡng người già tàn tật có đơn tỉnh Bình Dương - Hạng mục phát sinh hệ thống PCCC <i>Công trình chuyển tiếp</i>	<i>192.819</i>	<i>201.250</i>	1.000
61	Đầu tư thiết bị phòng phân tích kiểm nghiệm thuộc Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ	1.100	1.100	
62	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Bình Dương (giai đoạn 2)	4.000	4.000	
63	Trung tâm hỗ trợ thanh niên công nhân và lao động trẻ Bình Dương	7.000	6.303	
64	Trồng tu, tôn tạo khu di tích lịch sử rừng Kiến An	20.000	13.898	
65	Khu trung tâm và hạ tầng kỹ thuật tổng thể Khu tưởng niệm chiến khu Đ	28.000	39.267	
66	Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư liên kế - phường Định Hòa	10.000	10.000	
67	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới một số hạng mục Nhà Thiếu nhi Bình Dương	5.000	10.410	
68	Nhà thi đấu đa năng tỉnh Bình Dương	5.000	5.000	
69	Trồng tu, tôn tạo di tích nhà tù Phú Lợi	6.000	6.000	
70	Trường quay - nhà bá âm FM Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bình Dương	15.719	18.195	
71	Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Bình Dương (cơ sở 1)	4.000	4.000	
72	Đầu tư thiết bị sản xuất chương trình trong giai đoạn chờ thực hiện dự án Trường quay - Nhà bá âm	7.000	6.077	
73	Cải tạo, sửa chữa, xây mới Trung tâm giới thiệu việc làm Bình Dương	20.000	37.000	
74	Khu trung tâm quản thể tượng đài thuộc di tích lịch sử địa đạo Tam Giác Sắt <i>Công trình khởi công mới</i>	<i>8.000</i>	<i>7.252</i>	
75	Trung tâm Văn hóa thể thao công nhân lao động tỉnh Bình Dương	4.000	4.000	
76	Trung tâm Dạy nghề và hỗ trợ nông dân - Hội nông dân tỉnh Bình Dương (chi phí bồi thường đất)		3.252	BSDM
77	Đài truyền thanh huyện Bầu Bàng	4.000	0	
II	GIÁO DỤC - Y TẾ	434.290	442.801	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	<i>428.290</i>	<i>436.801</i>	
78	Bệnh viện đa khoa 1500 giường (Nguồn: cân đối NS tỉnh)	100.000	88.243	
79	Phòng cháy chữa cháy bệnh viện điều dưỡng và phục hồi chức năng		400	BSDM
80	Cải tạo, sửa chữa bệnh viện điều dưỡng phục hồi chức năng		500	BSDM
81	Đầu nối đường dẫn nước thải của Bệnh viện Y học cổ truyền vào hệ thống xử lý nước thải toàn khu cụm y tế		400	CBĐT→
82	Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ Bệnh viện chuyên khoa Lao, Tâm thần và khu tái định cư	8.000	10.000	
83	Đầu tư trang thiết bị dạy học, bồi dưỡng giáo viên các trường THCS tạo nguồn, trường THPT chuyên Hùng Vương và trường THPT chất lượng cao tỉnh Bình Dương giai đoạn 2013-2015 (Vốn TW: 34,737 tỷ đồng).	40.000	45.000	
89	Đầu tư nghề trọng điểm giai đoạn 2011-2015 - nghề người sửa chữa máy công cụ cấp độ quốc gia - Trường cao đẳng nghề Việt Nam - Singapore	2.000	2.000	
90	Xưởng thực hành Trường trung cấp nghề Việt Hàn Bình Dương	14.000	36.038	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2015	Kế hoạch điều chỉnh năm 2015	Ghi chú
84	Dự án các trục kỹ thuật chính thuộc khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình nhà nước - phường Định Hòa	27.000	19.424	
85	Đầu tư nghề trọng điểm giai đoạn 2011-2015 - nghề điện dân dụng cấp độ quốc gia - Trường trung cấp nghề tỉnh Bình Dương	7.000	8.002	
86	Thanh toán chi phí đền bù giải tỏa (lần 2) Khu Thương mại - Dịch vụ, Dân cư Định Hòa	200.000	200.000	
87	Cải tạo nâng cấp khối hiệu bộ, xây mới khối hội trường, trạm biến áp, nhà xe gắn máy Trường Chính trị	20.000	14.631	
88	Cải tạo, sửa chữa khu khám bệnh Bệnh viện đa khoa tỉnh	1.900	1.863	
91	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục Bệnh viện đa khoa tỉnh	8.000	8.500	
92	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Khu quy hoạch xây dựng bệnh viện chuyên khoa Lao, Tâm thần và khu tái định cư	390	1.800	
	<i>Công trình khởi công mới</i>	<i>6.000</i>	<i>6.000</i>	
93	Mua sắm trang bị máy móc thiết bị cho phòng labo xét nghiệm Huyết học và Hóa sinh - Bệnh viện đa khoa tỉnh	6.000	6.000	
III	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	36.900	44.684	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	<i>22.200</i>	<i>19.729</i>	
94	Ứng dụng công nghệ thông tin tại Sở Lao động Thương binh và Xã hội giai đoạn 2011-2013 (Sở Lao động Thương binh và Xã hội)	1.200	1.200	
95	Xây dựng cơ sở dữ liệu dân cư tỉnh Bình Dương	6.000	4.000	
96	Trang bị hệ thống vô tuyến Trunking - Công an tỉnh	5.000	4.469	
97	Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương	10.000	10.060	
	<i>Công trình khởi công mới</i>	<i>10.700</i>	<i>13.897</i>	
98	Đầu tư trang thiết bị phục vụ Báo Bình Dương điện tử giai đoạn 2	2.000	2.000	
99	Ứng dụng công nghệ thông tin tại Khu hành chính mở tỉnh Bình Dương	8.000	10.697	
100	Ứng dụng công nghệ thông tin tại Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh Bình Dương	700	1.200	
	<i>Thanh toán khối lượng</i>	<i>4.000</i>	<i>11.058</i>	
101	Trang thiết bị Trung tâm tin học và thông tin khoa học công nghệ	4.000	4.000	
102	Công nghệ thông tin tại bệnh viện điều dưỡng phục hồi chức năng		2.002	BSDM
103	Xây dựng trụ sở Trung tâm CNTT và Truyền thông		4.208	BSDM
104	Nâng cấp phòng máy Trung tâm Thông tin Điện tử		848	BSDM
C	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC - QPAN	63.600	87.264	
I	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	200	200	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	<i>200</i>	<i>200</i>	
101	Sửa chữa Trụ sở Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương	200	200	
II	QUỐC PHÒNG - AN NINH	63.400	87.064	
	AN NINH	37.400	63.949	
	<i>Công trình khởi công mới</i>	<i>37.400</i>	<i>58.500</i>	
102	Cơ sở làm việc Công an các phường trên địa bàn tỉnh Bình Dương - Giai đoạn 1: Công an các phường thuộc Công an Thị xã Thuận An.	10.000	22.000	
103	Mua sắm phương tiện, thiết bị nghiệp vụ cho công an tỉnh		6.000	BSDM
104	Cơ sở vật chất cho Đội Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tại Khu đô thị mới Bình Dương.		6.000	CBĐT →
105	Cơ sở làm việc Công an huyện Bàu Bàng thuộc Công an tỉnh Bình Dương.	6.300	3.400	
106	Mua sắm xe thang 62m cứu hộ và chữa cháy nhà cao tầng	8.700	8.700	
107	Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác của Sở Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Bình Dương.	12.400	12.400	
	<i>Thanh toán khối lượng</i>	<i>-</i>	<i>5.449</i>	
108	Mở rộng Trụ sở làm việc Công an huyện Phú Giáo		1.086	BSDM

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2015	Kế hoạch điều chỉnh năm 2015	Ghi chú
109	Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy khu vực Bến Cát thuộc Sở Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Bình Dương.		2.600	
110	Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy khu vực Tân Uyên thuộc Sở Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Bình Dương.		1.763	BSDM
	QUỐC PHÒNG	26.000	23.115	
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	<i>2.000</i>	<i>2.000</i>	
111	Xây dựng doanh trại, trận địa d168/c276/f367/QCPKKQ	2.000	2.000	
	<i>Công trình khởi công mới</i>	<i>24.000</i>	<i>21.115</i>	
112	Trung tâm điều hành, chỉ huy tình trạng khẩn cấp về Quốc phòng tỉnh Bình Dương	15.000	12.400	
113	Xây dựng hồ bơi và cầu lạc bộ quân nhân của Lữ đoàn 429-Bộ Tư lệnh Đặc công	9.000	8.715	

Phụ lục IV
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2015 -
NGUỒN VỐN XÓ SỔ KIẾN TRÚC

(Kèm theo Quyết định số 43 /2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Kế hoạch năm 2015	Nợ khối lượng trước 31/12/2014	Kế hoạch điều chỉnh năm 2015		Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ đọng XDCB	
	TỔNG SỐ	900.000	432.657	950.000	247.517
A	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	18.045	2.869	7.801	231
I	KHỐI TỈNH	9.000	0	1.601	0
	Y TẾ	9.000	0	1.601	0
1	Bệnh viện chuyên khoa Nhi	3.000		192	
2	Dự án cải tạo sửa chữa mở rộng khu mổ, X quang, khoa nhi, nhánh A, nhánh B của Bệnh viện đa khoa tỉnh			10	
3	Thiết bị khoa sản 300 giường			10	
4	Thiết bị Bệnh viện 1500 giường			10	
5	Thiết bị Bệnh viện chuyên khoa Lao và bệnh phổi			10	
6	Thiết bị Bệnh viện phục hồi chức năng			10	
7	Thiết bị giảng dạy Trường Cao đẳng y tế tỉnh Bình Dương			10	
8	Bệnh viện chuyên khoa Ung bướu	3.000		50	
9	Hạ tầng kỹ thuật tổng thể thuộc Khu quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện Đa khoa 1500 giường và Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	1.000		545	
10	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	1.000		50	
11	Khối Kỹ thuật trung tâm và Nhà quản thuộc Khu quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện đa khoa 1500 giường và Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	1.000		704	
II	KHỐI HUYỆN THỊ	9.045	2.869	6.200	231
	Y TẾ	100	0	10	0
	THUẬN AN	100	0	10	0
12	Đầu tư trang thiết bị y tế Trung tâm y tế thị xã Thuận An (quy mô 200 giường)	100		10	
	GIÁO DỤC	8.945	2.869	6.190	231
	TP THỦ ĐẦU MỘT	150	0	120	0
13	Trường tiểu học Phú Lợi 2	50		40	
14	Xây dựng mới trường tiểu học Nguyễn Du, phường Phú Cường	50		40	
15	Trường THCS Phú Hòa 2	50		40	
	TX THUẬN AN	400	0	290	81
16	Xây dựng mới Trường MG Hoa Cúc 4	50			
17	Trường Mầm non Hoa Mai 3	50			
18	Mở rộng trường THCS Trịnh Hoài Đức			50	
19	Mở rộng trường THCS Nguyễn Thái Bình			40	
20	Trường TH Tuy An	100		100	
21	Trường Mầm non Hoa Cúc 10	200		100	81
	TX DI AN	105	0	180	0
22	Trường THCS Đông Chiểu	50		80	
23	Trường mầm non Đông Chiểu	50		0	
24	Trường THCS Di An giai đoạn 2			50	
25	Trường tiểu học Di An B	5		50	
	TX BẾN CÁT	3.000	0	716	0
26	Trường MN An Tây	1.000		277	NTM
27	Trường THCS Lê Quý Đôn (xây dựng bổ sung)			20	
28	Trường mầm non Chánh Phú Hòa	500		339	
29	Trường THCS An Diễn			30	
30	Trường mầm non Thới Hòa	1.500		50	
	TX TÂN UYÊN	4.215	0	3.699	0

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2015	Nợ khối lượng trước 31/12/2014	Kế hoạch điều chỉnh năm 2015		Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ đọng XD/CB	
31	Trường Mầm non Thanh Phước	1.000		1.000		
32	Trường THCS Vĩnh Tân	100		100		
33	Trường THCS Hội Nghĩa	50		0		
34	Trường Mầm non Bạch Đằng	10		0		
35	Trường Mầm non Tân Hiệp 2	584		584		
36	Trường Tiểu học Thái Hòa B	1.135		1.135		
37	Trường THCS Khánh Bình	290		276		
38	Trường THCS Tân Hiệp	346		0		NTM
39	Trường Mầm non Khánh Bình	50		0		
40	Trường Mầm non Tân Vĩnh Hiệp	100		100		
41	Trường Mầm non Tân Phước Khánh	100		100		
42	Trường Tiểu học Khánh Bình	300		254		
43	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng	50		50		
44	Trường Tiểu học Tân Phước Khánh B	100		100		
	PHÚ GIÁO	435	0	435	0	
45	Trường THCS tạo nguồn huyện Phú Giáo	100		100		
46	Trường Tiểu học Phước Vĩnh B	60		60		
47	Trường Tiểu học An Linh	100		100		NTM
48	XD bếp ăn + 02 phòng học và nhà bảo vệ Trường MG Tân Hiệp	75		75		NTM
49	Trường Tiểu học An Thái giai đoạn 2	100		100		NTM
	ĐẦU TIẾNG	200	2.869	200	150	
50	Trường THCS Ngô Văn Trị (Bến Súc)					NTM
51	Trường tiểu học An Lập	50	1.124	50	50	NTM
52	Trường THCS An Lập	50		0		NTM
53	Trường THCS Minh Hòa	50	1.341	50	0	NTM
54	Trường mầm non Thanh Tuyền	50		50	50	NTM
55	Trường mầm non An Lập		404	50	50	NTM
	BẦU BÀNG	400	0	400	0	
56	Trường tiểu học Bầu Bàng	200		200		NTM
57	Trường tiểu học Trừ Văn Thố			200		NTM
58	Trường THCS Trừ Văn Thố	200		0		NTM
	BẮC TÂN UYÊN	40	0	150	0	
59	Trường mầm non Tân Mỹ	10		50		NTM
60	Trường THCS Tân Mỹ			50		NTM
61	Trường Mầm non Sơn Ca, xã Tân Định	10		0		NTM
62	Trường MN hoa Phong Lan Tân Thành	10		50		
63	Trường THCS Bình Mỹ	10		0		NTM
B	THỰC HIỆN DỰ ÁN	881.955	429.788	942.199	247.286	
I	KHỐI TÍNH	396.000	5.950	278.399	5.950	
	Y TẾ	337.771	5.950	230.711	5.950	
	<i>Dự án thanh toán khối lượng</i>	<i>5.955</i>	<i>5.950</i>	<i>8.197</i>	<i>5.950</i>	
64	Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản Bình Dương	5.955	5.950	5.955	5.950	
65	Khu điều trị nội trú tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Dương	0		2.242		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>311.816</i>	<i>0</i>	<i>217.514</i>	<i>0</i>	
66	Bệnh viện chuyên khoa Lao và bệnh phổi tỉnh Bình Dương	41.045		15.000		
67	Bệnh viện chuyên khoa Tâm Thần tỉnh Bình Dương	26.500		8.243		
68	Bệnh viện đa khoa 1.500 giường (Nguồn:XSKT)	200.000		150.000		
69	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình của nhà nước	44.271		44.271		
	<i>Dự án khởi công mới</i>	<i>20.000</i>	<i>0</i>	<i>5.000</i>	<i>0</i>	
70	Khu điều trị 300 giường (Khoa Sản) thuộc BVĐK tỉnh	10.000		2.000		

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2015	Nợ khối lượng trước 31/12/2014	Kế hoạch điều chỉnh năm 2015		Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ đọng XDGB	
71	Bệnh viện Đa khoa Hùng Vương, nâng cấp	10.000		3.000		
	GIÁO DỤC	58.229	0	47.688	0	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	58.229	0	47.688	0	
72	Trường Cao Đẳng & Đực tỉnh Bình Dương	43.229		37.032		
73	Ký túc xá, nhà ăn, nhà bếp, Trường THPT chuyên Hùng Vương	15.000		10.656		
II	KHOI HUYEN THI	485.955	423.838	663.800	241.336	
	Y TẾ	19.000	17.257	27.257	17.257	
	TX TÂN UYÊN	10.000	0	10.000	0	
	<i>Dự án khởi công mới</i>	10.000	0	10.000	0	
74	Bệnh viện đa khoa thị xã Tân Uyên quy mô 200 giường (định hướng 400 giường)	10.000		10.000		
	PHÚ GIÁO	7.000	9.654	9.654	9.654	
	<i>Dự án thanh toán khối lượng</i>	7.000	9.654	9.654	9.654	
75	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Phú Giáo	7.000	9.654	9.654	9.654	
	DẦU TIẾNG	2.000	7.603	7.603	7.603	
	<i>Dự án thanh toán khối lượng</i>	2.000	7.603	7.603	7.603	
76	Phòng khám đa khoa khu vực Long Hòa	2.000	7.603	7.603	7.603	NTM
	GIÁO DỤC	466.955	406.581	636.543	224.079	
	TP THỦ DẦU MỘT	99.850	66.000	149.880	39.920	
	<i>Dự án thanh toán khối lượng</i>	18.375	0	17.878	0	
77	Mẫu giáo Tuổi Thơ	1.070		1.070		
78	Trường MG Hoa Mai	1.190		1.190		
79	Trường Mẫu giáo Chánh Mỹ	1.041		1.041		
80	Trường Tiểu học Chánh Mỹ	500		500		
81	Trường Tiểu học Phú Hòa 1	3.800		3.171		
82	Trường Tiểu học Phú Hòa 3	5.000		5.000		
83	Trường THCS Phú Mỹ	200		821		
84	Trường THCS Nguyễn Chí Thanh	1.674		1.674		
85	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu	1.900		1.900		
86	Cải tạo, nâng cấp mở rộng Trường THPT Võ Minh Đức (giai đoạn 2)	298		306		
87	Trường tiểu học Nguyễn Hiền	709		709		
88	Trường THCS Chu Văn An (giai đoạn 4)	496		496		
89	Quyết toán trường học	497		0		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	73.543	66.000	127.522	39.920	
90	Trường Mẫu giáo Sao Mai	9.900	5.000	32.879	5.000	
91	Trường Mầm non Phú Tân	9.000	21.000	30.000	9.000	
92	Trường Tiểu học Phú Tân	9.420	10.000	9.420	9.420	
93	Trường Mầm non Hòa Phú	7.500	5.000	7.500	5.000	
94	Trường Tiểu học Hòa Phú	7.500	11.000	7.500	7.500	
95	Trường Tiểu học Tương Bình Hiệp	6.500		6.500		
96	Trường Trung học cơ sở Tương Bình Hiệp	6.500		6.500		
97	Trường tiểu học Chánh Nghĩa	9.573		9.573		
98	Trường mẫu giáo Hoa Hướng Dương	4.000	14.000	14.000	4.000	
99	Hội trường trường THPT Bình Phú, phường Định Hòa	3.650		3.650		
	<i>Dự án khởi công mới</i>	7.932	0	4.480	0	
100	Trường Mầm non Hòa Mĩ	2.300		260		
101	Trường tiểu học Nguyễn Trãi, phường Phú Cường	1.000		430		
102	Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai	3.632		3.550		

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2015	Nợ khối lượng trước 31/12/2014	Kế hoạch điều chỉnh năm 2015		Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ đọng XDDB	
103	Trường Trung học cơ sở Trần Bình Trọng	1.000		240		
	TX THUẬN AN	79.500	5.607	84.700	5.607	
	<i>Dự án thanh toán khối lượng</i>	<i>11.600</i>	<i>0</i>	<i>6.830</i>	<i>0</i>	
104	Trường Mẫu giáo Hoa Cúc 09	2.300		2.063		
105	Trường THCS Trịnh Hoài Đức giai đoạn 2	7.300		4.767		
106	Quyết toán trường học	2.000		0		
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>36.000</i>	<i>3.608</i>	<i>53.770</i>	<i>3.608</i>	
107	Trường TH Bình Quới	8.000		8.000		
108	Trường TH Lý Tự Trọng GD2	17.000	2.529	14.782	2.529	
109	Trường TH Bình Hòa 2			10.988		
110	Trường TH Bình Thuận			10.000		
111	Trường TH Tân Thới	11.000	1.079	10.000	1.079	
	<i>Công trình khởi công mới</i>	<i>31.900</i>	<i>1.999</i>	<i>24.100</i>	<i>1.999</i>	
112	Trường THCS Thuận Giao	10.800	166	10.800	166	
113	Trường THCS Nguyễn Trung Trực	10.800	451	3.000	451	
114	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn 2	10.300	1.382	10.300	1.382	
	TX DĨ AN	79.895	90.410	104.820	75.517	
	<i>Thanh toán khối lượng</i>	<i>13.717</i>	<i>21.001</i>	<i>13.717</i>	<i>13.717</i>	
115	Trường tiểu học Bình An (cơ sở Bình Thung)	2.592	2.592	2.592	2.592	
116	Trường THPT Bình An	1.072	1.072	1.072	1.072	
117	Trường tiểu học Tân Bình	1.906	1.906	1.906	1.906	
118	Trường TH An Bình	1.015	1.015	1.015	1.015	
119	Trường trung học cơ sở Tân Bình	1.342	3.673	1.342	1.342	
120	Trường mẫu giáo Thống Nhất	1.630	2.630	1.630	1.630	
121	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền	2.000	3.466	2.000	2.000	
122	Trường THCS Đông Hòa	850	1.001	850	850	
123	Trường tiểu học Lý Thường Kiệt	1.310	2.619	1.310	1.310	
124	MR trường THCS Võ Trường Toản		1.027	0		
I.2.	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>64.500</i>	<i>68.677</i>	<i>86.501</i>	<i>61.068</i>	
125	Trường TH Đông Chiêu	20.000	21.390	40.695	20.000	
126	Trường tiểu học Thống Nhất	16.500	13.068	17.806	13.068	
127	Trường MG Hoa Hồng 1	13.000	14.747	13.000	13.000	
128	Trường trung học cơ sở Bình Thắng	15.000	19.472	15.000	15.000	
I.3.	<i>Dự án khởi công mới</i>	<i>1.678</i>	<i>732</i>	<i>4.602</i>	<i>732</i>	
129	Nhà lập đa năng trường THCS An Bình	843		843		
130	Trường TH An Bình A	759	732	759	732	
131	Cải tạo, NC và MR trường TH Đông Hoà B	76		3.000		
	TX BẾN CÁT	57.000	4.225	69.284	3.171	
	<i>Dự án thanh toán khối lượng</i>	<i>5.000</i>	<i>4.225</i>	<i>3.171</i>	<i>3.171</i>	
132	Trường tiểu học Thới Hòa	2.340	2.128	506	506	
133	Trường tiểu học Mỹ Hòa	2.660	2.097	2.665	2.665	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	<i>30.000</i>	<i>0</i>	<i>31.239</i>	<i>0</i>	
134	Trường tiểu học An Điền	30.000		31.239		
	<i>Dự án khởi công mới</i>	<i>22.000</i>	<i>0</i>	<i>34.874</i>	<i>0</i>	
135	Trường mầm non Hòa Lợi	10.000		9.000		
136	Trường mầm non An Điền	6.000		7.000		NTM
137	Trường tiểu học Chánh Phú Hòa	3.000		10.000		
138	Trường mầm non Mỹ Phước	3.000		8.874		
	TX TÂN UYÊN	35.785	21.760	56.301	9.500	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2015	Nợ khối lượng trước 31/12/2014	Kế hoạch điều chỉnh năm 2015		Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ đọng XDCB	
I.1.	<i>Điền thanh toán khối lượng</i>	12.085	14.682	14.290	6.000	
139	Trường THCS Lê Thị Dung	85		85		
140	Trường Tiểu học Phú Chánh	12.000	14.682	14.205	6.000	NTM
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	13.000	7.078	32.191	3.500	
141	Trường Mẫu giáo Phú Chánh	7.000	7.078	24.191	3.500	NTM
142	Trường THCS Nguyễn Quốc Phú	6.000		8.000		NTM
	<i>Dự án khởi công mới</i>	10.700	0	9.820	0	
143	Trường Tiểu học Uyên Hưng B	3.000		3.000		
144	Trường Tiểu học Hội Nghĩa	2.000		1.260		NTM
145	Trường Mầm non Thạnh Hội	700		560		NTM
146	Trường THCS Phú Chánh	5.000		5.000		NTM
	PHÚ GIÁO	17.565	110.857	24.911	24.811	
	<i>Dự án thanh toán khối lượng</i>	17.465	110.857	24.811	24.811	
147	Trường mầm non Tân Long	2.000	5.091	2.000	2.000	NTM
148	Trường mầm non Vĩnh Hòa	0	2.368	0		NTM
149	Trường THCS bán trú Phước Hòa	5.000	23.007	5.000	5.000	NTM
150	Trường tiểu học và THCS Tam Lập	100	3.026	3.026	3.026	NTM
151	Trường trung học phổ thông Phước Vĩnh	1.850	39.508	6.099	6.099	
152	Trường Tiểu học Vĩnh Hòa B	250	25.836	4.676	4.676	NTM
153	Xây dựng bếp ăn nhà tập đa năng trường TH Phước Vĩnh A	4.249	8.005	0		
154	Trường Tiểu học Vĩnh Hòa A	903	903	903	903	NTM
155	Trường THCS An Linh giai đoạn 2	2.207	2.207	2.207	2.207	NTM
156	Trường Tiểu học An Bình	906	906	900	900	NTM
	<i>Khởi công mới</i>	100		100	0	
157	Trường Tiểu học An Long	50		50		NTM
158	Trường Tiểu học Phước Sang	50		50		NTM
	DẦU TIẾNG	27.800	31.239	47.197	22.379	
	<i>Công trình thanh toán khối lượng</i>	9.452	22.388	13.528	13.528	
159	Trường tiểu học Bến Súc	2.000	6.669	3.497	3.497	NTM
160	Trường tiểu học Thanh Tân	1.000	3.579	3.579	3.579	NTM
161	Trường mầm non Hòa Mai (Minh Hòa)	952	952	952	952	NTM
162	Trường tiểu học Dầu Tiếng	1.000	2.384	1.000	1.000	
163	Trường mầm non Thanh An	4.500	8.804	4.500	4.500	NTM
	<i>Công trình chuyển tiếp</i>	11.250	6.750	19.311	6.750	
164	Trường THPT Long Hòa	11.250	6.750	19.311	6.750	NTM
	<i>Công trình khởi công mới</i>	7.098	2.101	14.358	2.101	
165	Trường Tiểu học Minh Thạnh	2.000		560		
166	Trường THCS Minh Tân	100	1.647	3.000	1.647	NTM
167	Trường mầm non Long Hòa	200	454	3.000	454	NTM
168	Trường Tiểu học Định An			3.000		NTM
169	Trường THCS Định Hiệp	4.798		4.798		
	BÀU BÀNG	34.600	58.309	59.600	25.000	
I.1.	<i>Dự án thanh toán khối lượng</i>	25.000	58.309	25.000	25.000	
170	Trường THPT Bàu Bàng	9.000	24.451	9.000	9.000	NTM
171	Trường TH Cây Trường	4.000	8.356	4.000	4.000	NTM
172	Trường TH Lai Hưng A (mở rộng)	9.000	14.968	9.000	9.000	NTM
173	Trường TH Long Nguyễn	3.000	10.534	3.000	3.000	NTM
I.2.	<i>Dự án chuyển tiếp</i>	3.000	0	28.000	0	
174	Trường TH CS Quang Trung	3.000		28.000		NTM
I.3.	<i>Dự án khởi công mới</i>	6.600	0	6.600	0	
175	Trường mầm non Lai Uyên	2.200		2.200		NTM
176	Trường TH Lai Uyên A	2.200		2.200		NTM
177	Trường TH Hưng Hòa	2.200		2.200		NTM
	BẠC TÂN UYÊN	34.960	18.174	39.850	18.174	
	<i>Thanh toán khối lượng</i>	17.100	18.174	27.880	18.174	

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2015	Nợ khối lượng trước 31/12/2014	Kế hoạch điều chỉnh năm 2015		Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: thanh toán nợ đọng XDDB	
178	Trường tiểu học Tân Mỹ	1.100	2.086	2.086	2.086	NTM
179	Trường tiểu học Tân Bình	10.000	13.595	19.025	13.595	NTM
180	Trường Mầm non Hoa Cúc	6.000	2.493	6.769	2.493	NTM
	<i>Công trình khởi công mới</i>	<i>17.860</i>	<i>0</i>	<i>11.970</i>	<i>0</i>	
181	Trường mầm non Thường Tân	8.860		5.000		NTM
182	Trường mầm non Hoa Anh Đào	3.000		2.970		NTM
183	Trường tiểu học Tân Định	3.000		3.000		NTM
184	Trường tiểu học Tân Thành	3.000		1.000		NTM

Phụ lục V

**KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2015
VỐN NƯỚC NGOÀI (ODA)**

(Kèm theo Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục	Kế hoạch năm 2015		Kế hoạch điều chỉnh năm 2015		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó: Vốn ODA	Tổng số	Trong đó: Vốn ODA	
	TỔNG SỐ	98.000	38.000	98.000	38.000	
1	Dự án cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương giai đoạn II	80.000	30.000	80.000	30.000	
2	Cấp nước Khu đô thị công nghiệp Mỹ Phước thuộc dự án cấp nước và nước thải đô thị Việt Nam	18.000	8.000	18.000	8.000	

Phụ lục VI
KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2015
VỐN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 43 /2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2015		Kế hoạch điều chỉnh năm 2015		Ghi chú
		Tổng số	Trong đó: Vốn TW bổ sung	Tổng số	Trong đó: Vốn TW bổ sung	
	TỔNG SỐ	40.000	35.000	45.000	34.737	
1	Đầu tư trang thiết bị dạy học, bồi dưỡng giáo viên các trường THCS tạo nguồn, trường THPT chuyên Hùng Vương và trường THPT chất lượng cao tỉnh Bình Dương giai đoạn 2013-2015	40.000	35.000	45.000	34.737	